

Số: **03** /2024/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **16** tháng **01** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT- BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh; Thông tư số 17/2022/TT- BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối với các loài cây không quy định trong Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo quy định tại khoản 1 điều này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến các biện pháp lâm sinh, bao gồm:

1. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung;
2. Nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng;
3. Cải tạo rừng tự nhiên;
4. Trồng rừng mới, trồng lại rừng; chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng.

Điều 3. Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất

1. Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm trên địa bàn tỉnh Lai Châu được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.
2. Danh mục loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lai Châu được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện. Theo dõi, tổng hợp đề xuất của các địa phương, cơ quan, đơn vị, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung danh mục cho phù hợp với tình hình triển khai công tác phát triển rừng.
2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất để triển khai thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Kt9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Trọng Hải

Phụ lục I
DANH MỤC LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG NHANH,
CÂY SINH TRƯỞNG CHẬM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số: **03** /2024/QĐ-UBND ngày **16** /**01**/2024
của UBND tỉnh Lai Châu)

I. LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG NHANH

TT	Loài cây	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học
1	Bạch đàn cự vĩ	<i>Eucalyptus urophylla x Eucalyptus granitica</i>
2	Bồ đề	<i>Styrax tonkinensis</i>
3	Hông	<i>Paulownia tomentosa</i>
4	Keo lai	<i>Acacia mangium x Acacia auriculiformis</i>
5	Keo tai tượng	<i>Acacia mangium</i>
6	Mỡ	<i>Mangletia conifera</i>
7	Tếch	<i>Tectona grandis</i>
8	Trầu	<i>Vernicia motana</i>
9	Xoan ta	<i>Melia azedarach</i>
10	Xoan đào	<i>Prunus arborea</i>

II. LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG CHẬM

TT	Loài cây	
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
1	Bạch đàn urô	<i>Eucalyptus urophylla</i>
2	Giổi ăn hạt	<i>Michelian tonkinensis</i>
3	Giổi xanh	<i>Michelia mediocris</i>
4	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i>
5	Lim xanh	<i>Erythrophloeum fordii</i>
6	Mắc ca	<i>Macadamia integrifolia</i>
7	Quế	<i>Cinamomum cassia</i>
8	Re hương	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i>
9	Sa mộc (Sa mu)	<i>Cunninghamia lanceolata</i>
10	Sấu	<i>Dracontomelum duperreanum</i>

TT	Loài cây	
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
11	Sơn tra	<i>Docynia indica</i>
12	Sưa	<i>Dalbergia tonkinensis</i>
13	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii</i>
14	Thông ba lá	<i>Pinus kesiya</i>
15	Thông mã vĩ (Thông đuôi ngựa)	<i>Pinus massoniana</i>
16	Tổng quá sủ	<i>Alnus nepalensis</i>
17	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i>
18	Vối thuốc	<i>Schima wallichii</i>

Phụ lục II
DANH MỤC LOÀI CÂY MỤC ĐÍCH, CÂY PHI MỤC ĐÍCH ĐỐI VỚI RỪNG
PHÒNG HỘ VÀ RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Lai Châu)

I. LOÀI CÂY MỤC ĐÍCH

TT	Loài cây		Mục đích	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Phòng hộ	Sản xuất
1	Bạch đàn cự vĩ	<i>Eucalyptus urophylla</i> x <i>Eucalyptus granitica</i>		X
2	Bạch đàn urô	<i>Eucalyptus urophylla</i>		X
3	Bách xanh	<i>Calocedrus macrolepis</i>	X	X
4	Bồ đề	<i>Styrax tonkinensis</i>		X
5	Bời lời	<i>Litsea cubeba</i>	X	X
6	Cáng lò	<i>Betula alnoides</i>	X	X
7	Cao su	<i>Hevea brasiliensis</i>		X
8	Chè Shan	<i>Camellia sinensis</i>	X	X
9	Chò chỉ	<i>Parashorea chinensis</i>	X	X
10	Chò đăi	<i>Annamocarya sinensis</i>		X
11	Chò nâu	<i>Dipterocarpus retusus</i>	X	
12	Chò xanh	<i>Terminalia myriocarpa</i>	X	
13	Cọ phèn	<i>Protium serratum</i>	X	X
14	Cút ngựa	<i>Archidendron balansae</i>	X	X
15	Dạ nâu	<i>Chaetocarpus castanocarpus</i>	X	
16	Dâu da	<i>Baccaurea ramiflora</i>	X	
17	Dẻ ăn quả (Dẻ gai yên thê)	<i>Castanopsis boisii</i>	X	X
18	Dẻ gai ấn độ	<i>Castanopsis indica</i>	X	X
19	Dẻ gai lá dày	<i>Castanopsis crassifolia</i>	X	X
20	Dương	<i>Broussonetia papyrifera</i>		X
21	Đa búp đỏ	<i>Ficus elastica</i>	X	

TT	Loài cây		Mục đích	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Phòng hộ	Sản xuất
22	Đình	<i>Markhamia stipulata</i>	x	x
23	Đình vân nam	<i>Radermachera yunnanensis</i>	x	x
24	Đình vàng	<i>Fernandoa collignonii</i>	x	x
25	Đỏ ngọn	<i>Cratoxylon prunifolium</i>		x
26	Gáo	<i>Anthocephalus indicus</i>	x	x
27	Gáo vàng	<i>Nauclea orientalis</i>	x	x
28	Giổi ăn hạt	<i>Michelian tonkinensis</i>	x	x
29	Giổi bà	<i>Michelia balansae</i>	x	x
30	Giổi găng	<i>Paramichelia baillonii</i>	x	x
31	Giổi xanh	<i>Michelia mediocris</i>	x	x
32	Gội nếp	<i>Aglaia spectabilis</i>	x	x
33	Gội núi	<i>Aglaia globosus</i>	x	x
34	Gù hương	<i>Cinnamomum balansae</i>	x	x
35	Gụ mật	<i>Sindora siamensis</i>	x	x
36	Hôi	<i>Illicium verum</i>		x
37	Hông	<i>Paulownia tomentosa</i>		x
38	Huỳnh đàn hai tuyến	<i>Dysoxylum gotadhora</i>	x	
39	Kè đuôi giông	<i>Markhamia stipulata</i>		x
40	Keo lá tràm	<i>Acacia auriculiformis</i>		x
41	Keo lai	<i>Acacia hybrid</i>		x
42	Keo tai tượng	<i>Acacia mangium</i>		x
43	Kháo	<i>Machilus odoratissima</i>	x	x
44	Kim giao	<i>Podocarpus fleuryi</i>	x	x
45	Lá nén	<i>Macaranga sampsonii</i>		x
46	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i>		x
47	Lát khét	<i>Toona sureni</i>		x
48	Lim xanh	<i>Erythrophloeum fordii</i>	x	x

TT	Loài cây		Mục đích	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Phòng hộ	Sản xuất
49	Lim xẹt	<i>Peltophorum dasyrrhachis var. tonkinense</i>	x	x
50	Long não	<i>Cinnamomum camphora</i>	x	x
51	Mắc ca	<i>Macadamia integrifolia</i>	x	x
52	Mặc nưa	<i>Diospyros mollis</i>		x
53	Mán đĩa	<i>Archidendron clypearia</i>		x
54	Màng tang	<i>Litsea cubeba</i>		x
55	Me	<i>Tamarindus indica</i>	x	
56	Me rừng	<i>Phyllanthus emblica</i>	x	
57	Mỡ	<i>Mangletia conifera</i>		x
58	Móng bò sọc	<i>Bauhinia variegata</i>		x
59	Móng bò tím	<i>Bauhinia purpurea</i>		x
60	Mun	<i>Diospyros mun</i>	x	x
61	Muồng xanh	<i>Albizia procera</i>		x
62	Ngát	<i>Gironniera subaequalis</i>	x	
63	Nghiến	<i>Burretiodendron hsienmu</i>	x	x
64	Ngọc lan lông	<i>Magnolia albosericca</i>	x	x
65	Nhội	<i>Bischofia trifoliata</i>	x	x
66	Nụ	<i>Garcinia xanthochymus</i>		x
67	Óc chó	<i>Juglans regia</i>	x	x
68	Phay sừng	<i>Duabaga sonneratioides</i>	x	
69	Pơ mu	<i>Fokienia hodginsii</i>	x	x
70	Quế	<i>Cinamomum cassia</i>	x	x
71	Ràng ràng mít	<i>Ormosia balansae</i>	x	x
72	Re gừng	<i>Cinnamomum bejolghota</i>	x	x
73	Re hương	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i>	x	x
74	Sa mộc (Sa mu)	<i>Cunninghamia lanceolata</i>	x	x

TT	Loài cây		Mục đích	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Phòng hộ	Sản xuất
75	Sâng	<i>Amesiodendron chinensis</i>	x	
76	Sang máu	<i>Horsfieldia amygdalina</i>		x
77	Sâng nhung	<i>Sterculia lanceolata</i>		x
78	Sanh	<i>Ficus benjamina</i>	x	
79	Sao đen	<i>Hopea odorata</i>	x	x
80	Sấu	<i>Dracontomelum duperreanum</i>	x	x
81	Sau sau	<i>Liquidambar formosana</i>	x	
82	Sến mật	<i>Madhuca pasquieri</i>	x	x
83	Si	<i>Ficus retusa var. nitida</i>	x	
84	Sồi phẳng	<i>Castanopsis cerebrina</i>	x	x
85	Sồi tía	<i>Sapium discolor</i>	x	
86	Sồi xanh	<i>Lithocarpus pseudosundaicus</i>	x	x
87	Son tra	<i>Docynia indica</i>	x	x
88	Son vé	<i>Garcinia merguensis</i>		x
89	Sua	<i>Dalbergia tonkinensis</i>	x	x
90	Sữa	<i>Alstonia scholaris</i>	x	
91	Tấu muối	<i>Vatica odorata</i>	x	x
92	Tếch	<i>Tectona grandis</i>		x
93	Thầu tấu lá dày	<i>Aporosa tetrapleura</i>	x	
94	Thông ba lá	<i>Pinus kesiya</i>	x	x
95	Thông mã vĩ	<i>Pinus massoniana</i>	x	x
96	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii</i>	x	x
97	Thùng mực lông	<i>Wrightia pubescens</i>	x	x
98	Tô hạp điện biên	<i>Altingia siamensis</i>	x	x
99	Tông dù	<i>Toona sinensis</i>		x
100	Tông quá sủ	<i>Alnus nepalensis</i>	x	x
101	Trai lý	<i>Garcinia fagraeoides</i>	x	x

TT	Loài cây		Mục đích	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Phòng hộ	Sản xuất
102	Trám chim	<i>Canarium tonkinense</i>	x	x
103	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i>	x	x
104	Trám hồng	<i>Canarium bengalense</i>	x	x
105	Trám trắng	<i>Canarium album</i>	x	x
106	Trầu	<i>Vernicia motana</i>		x
107	Trường mật	<i>Pometia pinnata</i>	x	
108	Vàng anh	<i>Sacara dives</i>	x	
109	Vàng tâm	<i>Manglietia dandyi</i>	x	x
110	Vạng trứng	<i>Endospermum chinense</i>	x	x
111	Vối thuốc	<i>Schima wallichii</i>	x	x
112	Xà cừ	<i>Khaya senegalensis</i>		x
113	Xoan đào	<i>Prunus arborea</i>		x
114	Xoan ta	<i>Melia azedarach</i>		x

II. LOÀI CÂY PHI MỤC ĐÍCH

TT	Loài cây	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học
1	Ba bét lông	<i>Mallotus barbatus</i>
2	Ba soi	<i>Macaranga denticulata</i>
3	Ban trắng	<i>Bauhinia variegata</i>
4	Bọ nẹt	<i>Alchornea rugosa</i>
5	Bứa	<i>Garcinia oblongifolia</i>
6	Cơi	<i>Pterocarya tonkinensis</i>
7	Dọc	<i>Garcinia multiflora</i>
8	Duối	<i>Streblus asper</i>
9	Đu đủ rừng	<i>Trevesia cavaleriei</i>
10	Gạo	<i>Bombax ceiba</i>
11	Hu đay	<i>Trema orientalis</i>

TT	Loài cây	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học
12	Muối	<i>Rhus chinensis</i>
13	Ngái	<i>Ficus hispida</i>
14	Núc nác	<i>Oroxylon indicum</i>
15	Sổ xoan	<i>Dillenia ovata</i>
16	Sống rần	<i>Albizia chinensis</i>
17	Sung	<i>Ficus racemosa</i>
18	Thần mát	<i>Millettia ichthyotona</i>
19	Thành ngạnh	<i>Cratoxylon palyanthm</i>
20	Thỏ mật	<i>Bridelia monoica</i>
21	Vả	<i>Ficus auriculata</i>